

Bản án số: 53/2018/DS-PT

Ngày: 15-01-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hiền

Ông Đỗ Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/12/2017; ngày 08/01/2018 và ngày 15/01/2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 210/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3058/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 66/2017/QĐ-PT ngày 29/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà N, sinh năm: 1965

Địa chỉ: đường A, Phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông ĐD1, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: đường B, phường P2, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 08560 ngày 13/4/2017 do Phòng Công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận).

- Bị đơn: Bà G, sinh năm: 1967 (có mặt)

Địa chỉ: đường D, Phường P3, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông ĐD2, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: đường D, Phường P3, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 00010259 ngày 11/4/2017 do Văn phòng công chứng Đ Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư BV1 - Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn E thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt)

- Người làm chứng:

1/ Bà NLC1, sinh năm 1993 (có mặt)

2/ Bà NLC2, sinh năm 1996 (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường D, Phường P3, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bà G là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2017 và các biên bản lời khai lập tại Tòa án, nguyên đơn là bà N, có ông ĐD1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 01/02/2017 bà N có cho bà G vay số tiền 565.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Đến ngày 02/02/2017 bà N cho bà G vay tiếp số tiền 620.000.000 đồng (sáu trăm hai mươi triệu đồng. Tổng cộng trong hai ngày liên tiếp bà N đã cho bà G vay số tiền 1.185.000.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Khi cho vay giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có lập hợp đồng vay mượn tiền và không quy định thời hạn trả. Bà N đã giao bà G số tiền 565.000.000 đồng vào ngày 01/02/2017 (nhằm ngày 05/01/2017 âm lịch) và có con gái của bà G là NLC1 nhận thay. Ngày 02/02/2017 (nhằm ngày 06/01/2017 âm lịch) bà N giao tiếp cho bà G số tiền 620.000.000 đồng và có con gái của bà G là NLC2 nhận thay. Hai lần giao tiền như trên bà N có ghi vào tờ giấy và hai con gái bà G là NLC1 và NLC2 đã tự ghi hai chữ “Có nhận” vào tờ giấy này vào các ngày tương ứng như trên (từ “Má Chảy” mà bà N ghi trên tờ giấy này là tên thường gọi của bà G).

Sau khi cho mượn tiền, do bà N nhận thấy bà G có biểu hiện muốn chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên nên đến ngày 07/02/2017 bà N đã lập “Thông báo về việc yêu cầu thanh toán nợ vay”, yêu cầu bà G phải trả lại toàn bộ số tiền nợ 1.185.000.000 đồng trong thời hạn 10 (mười) ngày, hạn chót trả tiền là ngày 17/02/2017. Việc tông đạt thông báo này cho bà G đã được Văn phòng Thừa phát lại Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh lập Vi bằng ngày 07/02/2017.

Đến ngày 02/3/2017, bà N và bà G cùng đến Công an Phường P3, Quận Q1 và đã lập lại Giấy mượn tiền (Giấy này do con gái của bà G là NLC1 viết hộ), trong đó bà G thừa nhận còn thiếu bà N số tiền 1.185.000.000 đồng và đề nghị trả dần 2.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi hết nợ, bắt đầu trả kể từ ngày 12/3/2017. Bà G đã xác nhận toàn bộ nội dung của Giấy mượn tiền nêu trên bằng cách tự viết tên mình “G” phía dưới dòng chữ: Người làm giấy.

Bà N cho biết, thời gian trước khi giữa hai bên ra Công an phường P3, Quận Q1 để lập Giấy mượn tiền như trên thì bà G đã đề nghị bà N cho bà trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng bà N đã không đồng ý, đến ngày hai bên ra

Công an phường đề giải quyết thì bà G vẫn tiếp tục đề nghị trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, bà N đã không đồng ý với phương thức trả nợ này, tuy nhiên bà G vẫn yêu cầu con gái của mình là NLC1 ghi Giấy mượn tiền với phương thức trả như trên. Bà N vì muốn có bằng chứng cụ thể về việc bà G thiếu số tiền 1.185.000.000 đồng nên đã đồng ý giữ tờ Giấy mượn tiền này nhưng đồng thời đã ghi dòng chữ “Tôi không chấp nhận” bên phía chữ ký của mình để thể hiện là bà N không đồng ý với phương thức trả nợ của bà G và bà N cũng đã thông báo cho bà G biết về sự không ý này ngay tại Công an Phường P3, Quận Q1.

Đến nay bà G vẫn chưa trả cho bà N một khoản tiền gốc nào đối với số tiền nợ trên, đồng thời bà N cũng chưa nhận của bà G một khoản tiền lãi nào đối với khoản tiền nợ này. Nay bà N yêu cầu bà G trả số tiền nợ là 1.185.000.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng). Yêu cầu trả toàn bộ số tiền nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Đối với các chứng cứ do bà Lôi Lê G cung cấp cho Tòa án, bà N có ý kiến trình bày như sau:

- Bà N thừa nhận 03 cuốn sổ mà phía bà G cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là xác nhận các giao dịch vay mượn tiền của bà G của các năm 2014, 2015 và 2016. Các cuốn sổ này là do bà N ghi toàn bộ nội dung, chữ “R” là xác định cho giao dịch mà bà N và bà G đã hoàn tất. Bà G thực hiện việc vay tiền của bà N mỗi ngày, hoặc thỉnh thoảng cách nhau hai đến ba ngày. Mỗi khoản tiền mượn được trả sau đó ba ngày và diễn ra gởi đầu nhau liên tục như vậy trong suốt quá trình cho mượn tiền giữa hai bên. Trên các cuốn sổ này chỉ ghi số tiền nợ gốc của mỗi lần mượn, đến ngày trả tiền thì bà G sẽ trả số tiền nợ gốc kèm theo khoản tiền lãi là 0,8% trên số tiền mượn trong 03 ngày đó (Ví dụ: Bà G mượn 10.000.000 đồng thì ba ngày sau bà G phải trả cho bà N 10.000.000 đồng tiền gốc cộng với 80.000 đồng tiền lãi). Việc trả tiền lãi này chỉ là thỏa thuận riêng giữa hai bên và được giao nhận tiền trực tiếp, không được ghi vào các cuốn sổ này.

Bà N thừa nhận, do giữa bà N và bà G đã thống nhất với nhau nên tất cả các số tiền ghi trên các cuốn sổ nợ đều được ghi tắt, số tiền giao dịch hàng triệu đồng thì bà N chỉ ghi có hàng nghìn đồng, mọi số tiền giao dịch đều ghi thiếu ba số không. Do đó trên cuốn sổ thứ 03 mà phía bà G cung cấp, tại trang cuối, số tiền 565.000.000 đồng mà bà N đã cho bà G mượn vào ngày 01/02/2017 (nhằm ngày 05/01/2017 âm lịch) thì chỉ được ghi là 565.000, đồng thời số tiền 620.000.000 đồng mà bà N đã cho bà G mượn vào ngày 02/02/2017 (nhằm ngày 06/01/2017 âm lịch) thì chỉ được ghi là 620.000. Hai khoảng tiền này tổng cộng là 1.185.000.000 đồng chưa được bà N gạch bỏ trong sổ chứng minh bà G chưa trả số tiền nợ này. Sau đó giữa bà N và bà G mới ra Công an Phường P3, Quận Q1 lập lại Giấy mượn tiền với số tiền nợ như trên vào ngày 02/3/2017. Bà N xác định việc lập Giấy mượn tiền này là việc riêng giữa cá nhân bà N và bà G nên sau khi con gái bà G là NLC1 ghi giấy xong thì bà N và bà G ký tên, Công an Phường P3, Quận Q1 không chứng kiến và cũng không có xác nhận gì vào tờ

Giấy mượn tiền này. Sau khi hai bên ký xong thì Công an khu vực là anh Thái Văn Dũng có xem lại tờ Giấy mượn tiền vừa lập, anh Thái Văn Dũng cho rằng việc lập Giấy mượn tiền này là thỏa thuận riêng giữa cá nhân bà N và bà G chứ không liên quan gì đến Công an Phường P3, Quận Q1 nên anh Thái Văn Dũng đã tự xóa đi 07 chữ “và cơ quan chức năng nhà nước” trên Giấy mượn tiền này vì cho rằng ghi như vậy là không cần thiết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, ông ĐD1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên. Đồng thời, ông Trung trình bày thêm như sau:

- Việc vay mượn tiền giữa bà N và bà G được diễn ra từ năm 2012 cho đến nay. Thời gian trước đó, bà G luôn trả nợ đúng hạn. Đến khi bà N cho bà G vay số tiền 565.000.000 đồng vào ngày 01/02/2017 (nhằm ngày 05/01/2017 âm lịch) và số tiền 620.000.000 đồng vào ngày 02/02/2017 (nhằm ngày 06/01/2017 âm lịch) thì bà G đã không trả đúng hạn như thỏa thuận.

- Việc bà G thiếu bà N số tiền nợ 1.185.000.000 đồng được chứng minh bằng Giấy mượn tiền đã lập giữa hai bên vào ngày 02/3/2017 tại Công an Phường P3, Quận Q1. Đồng thời, cũng được chứng minh qua tờ giấy do bà N đã ghi: “Má Chảy” ngày 05/01/2017 âm lịch lấy 565.000.000 đồng và “Má chảy” ngày 06/01/2017 âm lịch lấy 620.000.000 đồng được hai con gái của bà G là NLC1 và NLC2 xác nhận bằng cách tự ghi hai chữ “Có nhận”.

- Phía bà G đã thừa nhận hiện nay còn thiếu bà N số tiền nợ 1.185.000.000 đồng theo đúng Giấy mượn tiền đã lập tại Công an Phường P3, Quận Q1 và xác định bản thân mình sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ này cho bà N. Việc phía bà G cho rằng đây là số tiền nợ lãi được cộng dồn là không có căn cứ và bà G cũng không có chứng cứ gì để chứng minh đây là tiền nợ lãi.

- Bà N xác định toàn bộ số tiền mà bà N đã cho bà G mượn là tiền riêng của bà. Chồng của bà N là ông Tạ Thoại Đức đã chết năm 2005. Bà N xác định chỉ yêu cầu một mình bà G có trách nhiệm trả nợ, không liên quan đến ai khác.

* Bị đơn là bà G có ông ĐD2 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà G thừa nhận hiện nay còn thiếu bà N số tiền 1.185.000.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền mà bà N đã cung cấp cho Tòa án. Bà G thừa nhận Giấy mượn tiền này đã được lập tại Công an Phường P3, Quận Q1 vào ngày 02/3/2017. Chữ viết trên Giấy mượn tiền này là do con gái bà G là NLC1 viết và bà G đã xác nhận toàn bộ nội dung bằng cách tự viết tên của mình “G” phía dưới dòng chữ: Người viết giấy. Tuy nhiên, bà G cho rằng toàn bộ số tiền nợ này là tiền lãi của nhiều khoản tiền nợ mà bà G và chồng bà G là ông Cung Thiên Sơn (chết năm 2012) đã mượn trước đây của bà N từ năm 2000 cho đến nay, mỗi lần vay từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), giữa hai bên không có lập giấy mượn tiền. Việc trả tiền nợ gốc và nợ lãi được bà N ghi vào các cuốn sổ do bà G giữ và hiện nay bà G chỉ còn giữ lại được 03 cuốn sổ của các năm 2014, 2015 và 2016, còn những cuốn sổ của thời gian trước đó thì bà G đã làm mất. Ngoài 03 cuốn sổ

này ra thì bà G không cung cấp được chứng cứ gì khác. Số tiền nợ vốn và nợ lãi từ trước đến nay mà bà G đã mượn và đã trả cho bà N bao nhiêu thì bà G không nhớ được.

Bà G thừa nhận tất cả các cuốn sổ trên là do bà N đã ghi toàn bộ nội dung, chữ “R” là xác định giao dịch mà bà N và bà G đã hoàn tất. Bà G thừa nhận, do giữa bà N và bà G đã thống nhất với nhau nên tất cả các số tiền trên các cuốn sổ này đều được ghi tắt, số tiền giao dịch hàng triệu đồng thì bà N chỉ ghi có hàng nghìn đồng, mọi số tiền giao dịch đều ghi thiếu ba số không. Do đó, trên cuốn sổ thứ 03 mà phía bà G cung cấp, tại trang cuối, số tiền lãi 565.000.000 đồng mà bà G còn thiếu bà N đề ngày 01/02/2017 (nhằm ngày 05/01/2017 âm lịch) thì chỉ được ghi là 565.000, đồng thời số tiền lãi 620.000.000 đồng mà bà G còn thiếu bà N đề ngày 02/02/2017 (nhằm ngày 06/01/2017 âm lịch) thì chỉ được ghi là 620.000. Hai khoản tiền nợ này tổng cộng là 1.185.000.000 đồng là những khoản tiền lãi được cộng dồn từ năm 2000 mà bà G còn thiếu bà N chứ không phải tiền nợ gốc. Nay bà G thừa nhận còn thiếu bà N số tiền 1.185.000.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền lập ngày 02/3/2017 tại Công an Phường P3, Quận Q1 mà bà N đã cung cấp cho Tòa án. Bà G cũng không yêu cầu Tòa án tính lại những số tiền lãi mà bà G đã trả cho bà N. Bà G xác định sẽ trả hết toàn bộ số tiền nợ trên cho bà N. Tuy nhiên do hoàn cảnh của bà G hiện nay khó khăn nên yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ.

Tuy nhiên, phía bà G lại cho rằng, do bà N đã tự ý xóa đi 07 chữ “và cơ quan chức năng nhà nước” trên Giấy mượn tiền lập ngày 02/3/2017 tại Công an Phường P3, Quận Q1 nên đề nghị Tòa án chấm dứt Đơn khởi kiện của bà N vì bà N đã phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, cơ quan chức năng Nhà Nước và xem thường luật pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Bà N là công dân Việt Nam mà xem thường luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Sự thỏa thuận giữa bà N và bà G được lập tại Công an Phường P3, Quận Q1 không có giá trị pháp lý.

- Bà G yêu cầu bà N cung cấp cho Tòa án cuốn sổ chính thể hiện tất cả số tiền thu lãi của bà N đối với bà G và những người thiếu nợ khác để thể hiện tất cả số tiền nợ của bà G là tiền nợ lãi chứ không phải tiền nợ gốc. Đồng thời, số tiền bà G còn thiếu bà N là tiền cho vay nặng lãi chứ không phải là hợp đồng vay tài sản.

- Bà G yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Công an để điều tra về hành vi cho vay nặng lãi của bà N để xử lý vụ án về hình sự.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, ông ĐD2 là người đại diện theo ủy quyền của bà G vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên. Đồng thời ông Út trình bày thêm:

- Bà G thừa nhận hiện nay còn thiếu bà N số tiền 1.185.000.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng) theo đúng Giấy mượn tiền đã được lập tại Công an Phường P3, Quận Q1 vào ngày 02/3/2017. Bà G cho rằng đây là tổng

số tiền nợ lãi được cộng dồn, còn tất cả những khoản tiền nợ gốc đã mượn trước đây của bà N đã được bà G trả hết.

- Việc vay mượn tiền giữa bà G và bà N được thực hiện từ năm 2000. Số tiền mỗi lần vay từ 5.000.000 đồng cho đến 10.000.000 đồng. Về sau do bà G cần vốn làm ăn nên số tiền vay mỗi lần tăng lên từ vài chục triệu đồng đến vài trăm triệu đồng, lãi suất 24%/tháng.

- Bà G thừa nhận từ “Má Chảy” là tên thường gọi của bà G, đúng như từ “Má Chảy” đã được ghi trên tờ giấy nhận tiền mà bà N cung cấp cho Tòa án.

- Bà G thừa nhận con gái của bà là NLC1 đã ghi 02 chữ “Có nhận” trên Tờ giấy nhận tiền ngày 05/01/2017 âm lịch (ngày 01/02/2017 dương lịch) với số tiền là 565.000.000 đồng và con gái của bà G là NLC2 đã ghi 02 chữ “Có nhận” trên tờ giấy nhận tiền ngày 06/01/2017 âm lịch với số tiền là 620.000.000 đồng. Bà G thừa nhận việc NLC1 và NLC2 ghi hai chữ “Có nhận” trên tờ giấy này của bà N với số tiền và vào các ngày như trên là với tư cách thay mặt cho bà G. Tuy nhiên, bà G cho rằng hai con gái ghi chữ “Có nhận” đối với hai khoản tiền trên là để xác định khoản tiền lãi mà bà G phải trả cho bà N tính đến thời điểm đó chứ trên thực tế không có nhận hai khoản tiền này từ bà N.

- Bà G đồng ý rút lại việc yêu cầu Tòa án chấm dứt Đơn khởi kiện của bà N và rút lại những lời nói cho rằng bà N đã phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, cơ quan chức năng Nhà Nước, xem thường luật pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, phía bà G cho rằng sự thỏa thuận giữa bà N và bà G được lập tại Công an Phường P3, Quận Q1 là không có giá trị pháp lý vì đã bị tẩy xóa 07 chữ “và cơ quan chức năng nhà nước”.

- Nay bà G chấp nhận trả cho bà N toàn bộ số tiền nợ 1.185.000.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng) như trên. Bà G cũng không yêu cầu Tòa án tính lại những số tiền lãi mà bà G đã trả cho bà N. Bà G yêu cầu được trả dần cho bà N 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi hết nợ. Bà G xác định đây là nợ riêng của bà G, không liên quan đến ai khác, bản thân bà G sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ trên cho bà N.

* Người làm chứng:

- Bà NLC1 trình bày :

Bà Trinh là con của bà G. Bà Trinh là người đã ghi hộ cho bà G tờ Giấy mượn tiền lập ngày 02/3/2017 tại Công an Phường P3, Quận Q1. Bà Trinh là người viết toàn bộ nội dung của Giấy mượn tiền trên với sự đồng ý của bà G và bà G đã xác nhận toàn bộ nội dung trong Giấy mượn tiền này bằng cách tự viết tên của mình “G” phẩy dưới dòng chữ: Người viết giấy.

Khi bà Trinh lập Giấy mượn tiền này, bà Trinh ghi phương thức trả nợ là trả 2.000.000 đồng/tháng là đã có sự thỏa thuận thống nhất giữa bà N và bà G.

Đối với tờ Giấy mượn tiền do bà Trinh ghi tại Công an Phường P3, Quận Q1 trên bản chính, tại phần: “Nay đã có sự thỏa thuận giữa 2 bên...” thì có sự

bôi xóa đi 07 chữ tiếp theo là “và cơ quan chức năng nhà nước”, bà Trinh đã đề nghị Tòa án xác minh làm rõ việc bôi xóa này do ai thực hiện.

Về hai chữ “Có nhận” trên Tờ giấy ngày 05/01/2017 âm lịch mà bà N cung cấp cho Tòa án thì đúng là chữ do bà Trinh đã ghi. Tuy nhiên, bà Trinh cho rằng bà ghi như vậy chỉ để xác nhận lại số tiền nợ lãi 565.000.000 đồng tính đến ngày hôm đó mà bà G còn thiếu bà N chứ không phải tiền nợ gốc.

- Bà NLC2 trình bày:

Về hai chữ “Có nhận” trên tờ giấy ngày 06/01/2017 âm lịch mà bà N cung cấp cho Tòa án thì đúng là chữ do bà Yến đã ghi. Tuy nhiên, bà Yến ghi như vậy chỉ để xác nhận lại số tiền nợ lãi 620.000.000 đồng tính đến ngày hôm đó mà bà G còn thiếu bà N chứ không phải tiền nợ gốc.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, bà NLC1 và NLC2 vẫn giữ ý kiến như trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán có vi phạm tố tụng về việc chậm tổng đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn và về thời hạn chuẩn bị xét xử, đề nghị khắc phục.

- Về nội dung vụ án:

+ Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để xác định bà G có thiếu nợ bà N số tiền 1.185.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 210/2017/DSST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 11 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà N. Buộc bà G có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 1.185.000.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng). Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, bà G còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 47.550.000 đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.775.000 đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0003861 ngày 06/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 18/9/2017 bà G là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung cho rằng phán quyết của tòa án cấp sơ thẩm đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng và hợp pháp của bà G.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn là bà N có ông ĐD1 là người đại diện theo ủy quyền cùng phía bị đơn là bà G, ông ĐD2 là người đại diện theo ủy quyền của bà G tự nguyện thỏa thuận và xác định, cụ thể:

- Bà G còn nợ và phải có nghĩa vụ trả cho bà N tổng số tiền là 1.185.000.000 đồng.

- Bà G có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 1.185.000.000 đồng với phương thức và thời hạn trả nợ cụ thể:

- + Bà G trả cho bà N hằng tháng là 4.000.000 đồng, thi hành trả nợ vào ngày 30 (đương lịch) hằng tháng liên tục cho đến khi trả xong số tiền 1.185.000.000 đồng.

- + Thi hành nghĩa vụ trả tiền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Phía nguyên đơn tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ án phí sơ thẩm. Phía bị đơn chịu $\frac{1}{2}$ án phí sơ thẩm nhưng có đơn xin giảm án phí và có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường nơi bà G cư trú.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm phán Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở cấp phúc thẩm.

- Ngày 14/9/2017, Tòa án nhân dân Quận 11 tuyên án và ngày 18/9/2017 bà G là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Ngày 14/9/2017, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm và tuyên án vụ án. Bị đơn là bà G nộp đơn kháng cáo bản án vào ngày 18/9/2017 là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà G đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó đơn kháng cáo của bà G được chấp nhận xem xét tại cấp phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 47.550.000 đồng, nguyên đơn là bà N do ông ĐD1 là người đại diện theo ủy quyền tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ án phí sơ thẩm là 23.775.000 đồng. Bà G chịu $\frac{1}{2}$ án phí sơ thẩm là 23.775.000 đồng. Tuy nhiên, bà G có nộp đơn xin giảm án phí, đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân địa phương cư trú xác định gia đình khó khăn. Căn cứ Điều 12 và Khoản 2 Điều 15 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xét giảm $\frac{1}{2}$ án phí sơ thẩm cho bà G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/7/2016.

- Điều 12; Điều 15, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của bà N và bà G tại phiên tòa phúc thẩm.

- Bà G còn nợ và phải có nghĩa vụ trả cho bà N tổng số tiền là 1.185.000.000 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

- Bà G có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 1.185.000.000 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng) với phương thức và thời hạn trả nợ cụ thể:

+ Bà G trả cho bà N hằng tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), thi hành trả nợ vào ngày 30 (dương lịch) hằng tháng liên tục cho đến khi trả xong hết số tiền 1.185.000.000 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

+ Thi hành nghĩa vụ trả tiền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, bà G còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà N chịu 23.775.000 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền 23.775.000 đồng do bà N đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0003861 ngày 06/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà G chịu 11.887.500 đồng (Mười một triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà G chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà G đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004492 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự Quận 11;
- Tòa án nhân dân Quận 11;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng